TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2026/HS-PT
Ngày: 03/02/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 173/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Lê K về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2025/HS-ST ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bị cáo:

Lê K, sinh ngày 03 tháng 8 năm 1981 tại tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là xã H, thành phố H); căn cước công dân: 0450 8100 4131 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/01/2023; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê K1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Trần Mai Diễm M1 và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 19/12/2024 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê K và bà Trần Thị H (SN: 1982; trú tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương) trước đây là vợ, chồng. Đến tháng 9/2019, K và bà H ly hôn theo Quyết định số 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai. Trong thời kỳ hôn nhân, K và bà H sở hữu chung 01 thửa đất số 331, tờ bản đồ số 47 tại làng D, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số BP193134 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp ngày 08/08/2013. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận không phân chia tài sản này mà để lại cho hai con.

Tháng 6/2018, do cần tiền để làm ăn nên vợ chồng K đã thế chấp GCNQSDĐ trên tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh G2 để vay tiền. Đến năm 2019, Kiềm mượn của ông Lê K2 (SN: 1983; trú tại làng J, xã I, huyện I, là em trai của K) số tiền 300.000.000₫ để rút GCNQSDĐ đang thế chấp tại Ngân hàng về, nhưng vì chưa có tiền trả cho K2 nên K đưa GCNQSDĐ này cho K2 giữ.

Năm 2021, do cần tiền để tiêu xài và trả nợ cho ông K2 nên K đã đề nghị bà H bán thửa đất trên nhưng bà H không đồng ý. Đến cuối tháng 3/2023, K đang ở nhà tại thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế truy cập mạng xã hội Facebook thì thấy có quảng cáo làm hồ sơ, giấy tờ nên K đã nảy sinh ý định làm giả GCNQSDĐ của thửa đất trên để lừa bán cho người khác mà không thông qua bà H. Sau đó, K đã liên hệ với trang mạng này và mua GCNQSDĐ giả với giá là 10.000.000đ, K cung cấp thông tin căn cước công dân của mình cùng hình ảnh bìa đỏ thật số BP 193134 cho trang mạng này (do lâu ngày và không sử dụng facebook nữa nên K không nhớ cụ thể trang nào). Đến tháng 9/2024, K được một shipper (giao hàng) giao 01 GCNQSDĐ giả số BA994614 đứng tên một mình Lê K (Kiềm không xác định được người giao hàng này là ai). Sau khi có được GCNQSDĐ giả, Kiềm chụp hình gửi qua cho ông Phan Hữu G (SN: 1987; trú tại: làng D, xã I, huyện L) để nhờ ông G bán giúp thửa đất trên với giá 800.000.000đ.

Thông qua ông G, ông Trần Văn T (SN: 1989; trú tại làng D la K, xã I, huyện I) biết việc K muốn bán thửa đất trên nên đã liên hệ với K để hỏi mua, lúc này K nói với ông T thửa đất trên là của một mình K, không đứng tên sở hữu cùng ai, không có tranh chấp với ai và thỏa thuận bán với giá 800.000.000₫ thì ông T đồng ý. Hai bên thỏa thuận đặt cọc trước số tiền 200.000.000₫ và thống nhất khi nào Kiềm từ tỉnh Thừa Thiên Huế vào Gia Lai ký Hợp đồng chuyển nhượng thì ông T phải thanh toán hết số tiền còn lại là 600.000.000đ cho K.

Ngày 29/9/2024, ông T chuyển khoản qua tài khoản số 040978993479 mở tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T3 của K số tiền 200.000.000đ để đặt cọc mua thửa đất trên. Sau khi nhận tiền đặt cọc, ông T và K nhờ ông G lập Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện việc Kiềm bán thửa đất số 331, tờ bản đồ số 47, địa chỉ tại xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai cho ông T với giá 800.000.000đ, đã nhận cọc số tiền 200.000.000đ. Khi lập xong Hợp đồng, ông G hỏi K thửa đất trên có liên quan gì đến bà H không thì K khẳng định là không liên quan đến bà H, không có tranh chấp với ai và của một mình K.

Cuối tháng 9/2024, bà H lướt Facebook thì phát hiện tài khoản "Taxi Phương Nam" của ông Phan Hữu G có đăng tải thông tin đã bán được thửa đất

trước đây của bà H và Kiềm địa chỉ tại xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai nên H đã liên hệ với ông G thì biết được việc K đã đồng ý bán thửa đất trên cho ông T và ông G có gửi cho bà H hình ảnh GCNQSDĐ số BA994614 đối với thửa đất trên qua ứng dụng Messenger cho bà H. Do nghĩ GCNQSDĐ số BA994614 là thật và ông K bán đất mà không thông qua mình nên ngày 30/9/2024, bà H đã làm Đơn kiến nghị gửi Văn phòng C và Văn phòng đăng ký đất đai huyện I đề nghị tạm dừng giải quyết các giao dịch dân sự đối với thửa đất số 331 trên.

Ngày 06/10/2024, K đi cùng vợ là Trần Mai Diễm M1 đi từ tỉnh Thừa Thiên Huế vào Gia Lai. Ngày 07/10/2024, K một mình đến nhà ông G ở làng D la K, xã I, tại đây Kiềm đưa GCNQSDĐ giả số BA994614 đứng tên Kiềm cho ông G và ông T xem. Lúc này, K và ông T nhờ ông G lập lại Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy đặt cọc ghi ngày 29/9/2024), ông G là người chứng kiến và cho những người liên quan ký, đồng thời ông G hủy hợp đồng đặt cọc mà ông G đã lập trước đó. Tuy nhiên, ông G nghi ngờ thửa đất này có liên quan đến bà H nên ông G đã liên lạc qua điện thoại với bà H thì được biết thửa đất trên thuộc sở hữu chung giữa bà H và K. Sau đó, ông G yêu cầu K nói chuyện rõ với bà H, bà H hỏi K tại sao bán thửa đất mà không nói cho bà H, yêu cầu K nếu bán đất thì phải chia lại số tiền 400.000.000đ cho bà H thì bà H mới đồng ý bán đất, thì K3 đồng ý rồi các bên hẹn nhau đến ngày 08/10/2024 sẽ ra Văn phòng công chứng để công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng mảnh đất trên cho ông T và ông T sẽ thanh toán số tiền 600.000.000đ còn lại cho K.

Đến ngày 08/10/2024, K tiếp tục sử dụng GCNQSDĐ số BA994614 giả đi cùng với bà M1, ông G và ông T đến Văn phòng C ở thị trấn L, huyện I để nộp hồ sơ công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho T. Theo thỏa thuận, bà H cũng đến Văn phòng C tham gia ký chuyển nhượng. Quá trình kiểm tra hồ sơ, bà Dương Thị Thùy T1 (SN 1977; trú tại: tổ D, phường I, thành phố P, là Công chứng viên) nghi ngờ K sử dụng GCNQSDĐ giả nên yêu cầu K cung cấp GCNQSDĐ thật và trình báo vụ việc lên cơ quan Công an.

Ngày 25/10/2024 Lê K đã rút tiền mặt 200.000.000đ từ tài khoản 040978993479 mở tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T3 của K trả lại cho ông Trần Văn T số tiền đã chiếm đoạt trên.

Tại kết luận giám định số 1006/KL-KTHS ngày 15/11/2024 của Phòng K4 Công an tỉnh G kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên trên Hợp đồng đặt cọc so với chữ viết, chữ ký của Lê K là do cùng một người viết và ký ra.

Tại Bản kết luận giám định số 1007/KL-KLGĐ ngày 08/11/2024 của Phòng K4 Công an tỉnh G kết luận: "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" là giả.

* Về vật chứng: Tịch thu sung ngân sách 01 điện thoại Samsung thu giữ của bị cáo.

Tạm giữ của Lê K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, màu đen, màn hình trước bị vỡ.

* Về Dân sự: Lê K đã trả lại 200.000.000đ cho ông Trần Văn T, ông T không yêu cầu gì.

Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2025/HS-ST ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê K phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê K mức án 04 (B) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt*".

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê K mức án 03 (Ba) năm tù về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lê K chấp hành hình phạt chung là 07 (B1) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 10/09/2025, bị cáo K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với hồ sơ vụ án và các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Mặc dù biết thửa đất số 331, tờ bản đồ số 47 tại làng D, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai được cấp theo GCNQSDĐ số BP193134 là tài sản chung của của bị cáo với bà Trần Thị H. Nhưng vì muốn bán để trả nợ nên bị cáo đã đặt làm giả GCNQSDĐ đối với thửa đất này mang tên sở hữu của một mình bị cáo để bán cho ông Trần Văn T. Ông Trần Văn T tin là thật nên đã đặt cọc 200.000.000đ để mua thửa đất này và bị cáo chiếm đoạt.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2025/HS-ST ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo Lê K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê K; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tính chất vụ án, mức độ, vai trò phạm tội của bị cáo: Đây là vụ án bị cáo phạm tội có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là lợi dụng sự tin tưởng của bị hại đưa ra thông tin gian dối, làm giả Giấy CNQSD đất để chiếm đoạt của bị hại 200.000.000 đồng, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng đến quản lý hành chính Nhà nước về lĩnh vực đất đai và trật tự trị an.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau phạm tội cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông bà ngoại là người có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 đối với cả 02 tội; riêng đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt 200.000.000 đồng cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt.

[2.4] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Kiềm G1 nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[3] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Lê K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê K và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2025/HS-ST ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê K 04 (B) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê K 03 (Ba) năm tù về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

2.3. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lê K chấp hành hình phạt chung 07 (B1) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2024.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường